

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM-ST

Ngày: 31-5-2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Y Blur.

2. Bà Nguyễn Thị Hộ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP An B.

Địa chỉ: Số 170 Hai Bà T, phường Đa K, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP An B là Công ty TNHH MTV Q Việt Nam.

Địa chỉ: 22 Hàng V, phường Lý Thái T, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đ; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Phú T; chức vụ: Trưởng bộ phận quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia L – Phòng giao dịch P (Văn bản đề ngày 19/02/2019). (Có mặt).

Địa chỉ: 162B2, phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. *Bị đơn*: Công ty TNHH MTV Tiến Đ.

Địa chỉ: Số 1031 Phan Đình P, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Đ; chức vụ: Giám đốc. (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1968. (Có mặt).

2/ Bà Trần Thị Thu L, sinh năm 1971. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 1031 Phan Đình P, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

3/ Ngân hàng TMCP An B.

Địa chỉ: Số 170 Hai Bà T, phường Đa K, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Phú T; chức vụ: Trưởng bộ phận quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia L – Phòng giao dịch P (Văn bản đề ngày 09/11/2018). (Có mặt).

Địa chỉ: 162B2, phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2018 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP An B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP An B là Công ty TNHH MTV Q Việt Nam) trình bày:

Vào ngày 06/12/2016, Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia L (Ngân hàng) và Công ty TNHH MTV Tiến Đ (do ông Lê Văn Đ là Giám đốc) ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5977/16/TD-TT/VIII.2 với mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh máy móc, thiết bị điện các loại. Theo đó, Công ty TNHH MTV Tiến Đ vay của Ngân hàng số tiền là 5.100.000.000 đồng; thời hạn cho vay là 12 tháng (kể từ ngày 06/12/2016 đến ngày 06/12/2017); lãi suất cho vay là 9%/năm; lãi suất quá hạn bằng số nợ gốc không trả đúng hạn $\times$ 50% lãi suất trong hạn.

Để đảm bảo cho hợp đồng nêu trên, vào ngày 06/12/2016, Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia Lai (Ngân hàng) và ông Lê Văn Đ, bà Trần Thị Thu L đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số

6930/16/TC-TT/VIII.2. Theo đó, ông Đ và bà L đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 123,6m², thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 8 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình P, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 449076 do Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum cấp ngày 06/8/2015 mang tên ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH MTV Tiến Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến tình trạng quá hạn do không thanh toán được khoản nợ gốc và lãi đến hạn theo cam kết.

Ngày 09/11/2018, Ngân hàng TMCP An B đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV Tiến Đ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh. Trường hợp Công ty TNHH MTV Tiến Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản bảo đảm của ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Ngày 24/12/2018, Ngân hàng TMCP An B và Công ty TNHH MTV Q Việt Nam đã ký kết Hợp đồng mua, bán nợ (thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt). Theo đó, Ngân hàng TMCP An B đã bán cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam toàn bộ khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5977/16/TD-TT/VIII.2 ngày 06/12/2016 giữa Ngân hàng TMCP An B và Công ty TNHH MTV Tiến Đ. Công ty TNHH MTV Q Việt Nam được kế thừa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng đối với khoản nợ đã mua, quyền, nghĩa vụ đối với các bên tham gia bảo đảm cho khoản nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các thỏa thuận khác liên quan; trong đó, có quyền khởi kiện.

Nay Công ty TNHH MTV Q Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV Tiến Đ trả cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam số tiền tính đến ngày 31/5/2019 tổng cộng là 5.829.168.980 đồng. Trong đó, tiền gốc là 5.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 46.125.980 đồng, tiền lãi quá hạn là 683.043.000 đồng và toàn bộ các khoản lãi, phí phát sinh cho đến khi Công ty TNHH MTV Tiến Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Tiến Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH MTV Q Việt Nam đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm của ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 6930/16/TC-TT/VIII.2 ngày 06/12/2016 đã ký kết với Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia Lai để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 21/12/2018 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Tiến Đ (ông Lê Văn Đ); đồng thời, ông Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Lê Văn Đ là Giám đốc Công ty TNHH MTV Tiến Đ, đã tham gia ký kết vay vốn và thế chấp tài sản, đúng như khởi kiện của Ngân hàng TMCP An B (sau này, Ngân hàng TMCP An B đã bán khoản nợ trên cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam).

Do làm ăn gặp nhiều khó khăn, không thuận lợi nên Công ty TNHH MTV Tiến Đ không thực hiện đóng tiền lãi và gốc cho Ngân hàng TMCP An B và sau này là Công ty TNHH MTV Q Việt Nam. Ông Đ đã thông báo tình hình này đến Ngân hàng để tìm phương hướng giải quyết.

Do Ngân hàng TMCP An B đòi nợ nhiều lần, ảnh hưởng đến cuộc sống và kinh doanh của gia đình ông Đ nên ông không muốn hòa giải. Đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử theo quy định pháp luật. Ông Đ chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc, không đồng ý trả số tiền nợ lãi phát sinh. Bởi vì, khi Công ty làm ăn khó khăn, ông Đ đã thông báo đến Ngân hàng. Do đó, ông không có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh. Trường hợp Công ty TNHH MTV Tiến Đ không trả được tiền gốc, ông Đ đồng ý bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 27/11/2018 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP An B trình bày:

Ngân hàng TMCP An B thừa nhận đã ký kết với Công ty TNHH MTV Tiến Đ, ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L các Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đúng như trình bày của Công ty TNHH MTV Q Việt Nam.

Ngày 09/11/2018, Ngân hàng TMCP An B đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH MTV Tiến Đ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh. Trường hợp Công ty TNHH MTV Tiến Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản bảo đảm của ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Ngày 24/12/2018, Ngân hàng TMCP An B và Công ty TNHH MTV Q Việt Nam đã ký kết Hợp đồng mua, bán nợ (thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt). Theo đó, Ngân hàng đã bán cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam toàn bộ khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số 5977/16/TD-TT/VIII.2 ngày 06/12/2016 giữa Ngân hàng TMCP An B và Công ty TNHH MTV Tiến Đ. Nay Công ty TNHH MTV Q Việt Nam được kế thừa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng.

Ngân hàng thống nhất với yêu cầu của Công ty TNHH MTV Q Việt Nam; đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH MTV Tiến Đ trả cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam số tiền tính đến ngày 31/5/2019 tổng cộng là 5.829.168.980

đồng. Trong đó, tiền gốc là 5.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 46.125.980 đồng, tiền lãi quá hạn là 683.043.000 đồng và toàn bộ các khoản lãi, phí phát sinh cho đến khi Công ty TNHH MTV Tiến Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Tiến Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH MTV Q Việt Nam có quyền đề nghị phát mãi tài sản bảo đảm của ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết với Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia L để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu L trình bày:

Bà Trần Thị Thu L thừa nhận bà và ông Lê Văn Đ đã thế chấp tài sản để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng mà Công ty TNHH MTV Tiến Đ đã tham gia ký kết vay vốn của Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia Lai, đúng như khởi kiện của nguyên đơn. Khi Công ty TNHH MTV Tiến Đ làm ăn gặp khó khăn, không thể tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng thì ông Đ và bà L đã trực tiếp làm việc với Ngân hàng để đề nghị bán tài sản thế chấp trả nợ.

Nay nguyên đơn khởi kiện, bà L thống nhất với ý kiến của ông Đ về việc Công ty TNHH MTV Tiến Đ chỉ có trách nhiệm trả nợ gốc, không có trách nhiệm trả nợ lãi phát sinh. Trường hợp Công ty TNHH MTV Tiến Đ không trả được tiền gốc, bà L đồng ý bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 4 Luật thương mại, các Điều 280, 298, 299, 317, 323, 357, 463, 466, 470 và 500 Bộ luật dân sự 2015, các Điều 95 và 98 Luật tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP An B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP An B là Công ty TNHH MTV Q Việt Nam). Buộc Công ty TNHH MTV Tiến Đ trả cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam số tiền tổng cộng là 5.829.168.980 đồng. Trong đó, tiền gốc là 5.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 46.125.980 đồng, tiền lãi quá hạn là 683.043.000 đồng. Trường hợp Công ty TNHH MTV Tiến Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH MTV Q Việt Nam được thực hiện việc phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng

TMCP An B – Chi nhánh Gia Lai với ông Lê Văn Đ, bà Trần Thị Thu L để thu hồi nợ. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5977/16/TD-TT/VIII.2 ngày 06/12/2016, Công ty TNHH MTV Tiến Đ có vay của Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia L số tiền là 5.100.000.000 đồng với mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh máy móc, thiết bị điện các loại; thời hạn cho vay là 12 tháng (kể từ ngày 06/12/2016 đến ngày 06/12/2017); lãi suất cho vay là 9%/năm (lãi suất thay đổi định kỳ 03 tháng/lần theo chính sách của Ngân hàng); lãi suất quá hạn bằng số nợ gốc không trả đúng hạn $\times$ 50% lãi suất trong hạn. Xét thấy, đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn và có lãi. Hợp đồng này được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực (ngày 01/01/2017). Tuy nhiên, giao dịch này thuộc trường hợp *"chưa được thực hiện hoặc đang được thực hiện"* mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, theo điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2] Để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức nêu trên, vào ngày 06/12/2016, Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia L với ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6930/16/TC-TT/VIII.2. Theo đó, ông Đ và bà L đã thế chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 123,6m², thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 8 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình P, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 449076 do Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum cấp ngày 06/8/2015 mang tên ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L). Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/12/2016 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

[3] Ngày 24/12/2018, Ngân hàng TMCP An B và Công ty TNHH MTV Q Việt Nam đã ký kết Hợp đồng mua, bán nợ (thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt). Theo đó, Ngân hàng đã bán cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam toàn bộ khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5977/16/TD-TT/VIII.2 ngày 06/12/2016 giữa Ngân hàng TMCP An B và Công ty TNHH MTV Tiến Đ. Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm

phán, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân; khoản 4 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty TNHH MTV Q Việt Nam được kế thừa đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP An B.

[4] Trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay hạn mức, Công ty TNHH MTV Tiến Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại các Điều 280 và 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP An B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP An B là Công ty TNHH MTV Q Việt Nam) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Công ty TNHH MTV Tiến Đ phải trả cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam số tiền tổng cộng là 5.829.168.980 đồng. Trong đó, tiền gốc là 5.100.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 46.125.980 đồng, tiền lãi quá hạn là 683.043.000 đồng.

[5] Trường hợp Công ty TNHH MTV Tiến Đ không trả đúng, đủ số tiền nêu trên cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam thì theo quy định tại các Điều 298, 299, 317 và 323 Bộ luật Dân sự, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích 123,6m², thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 8 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình P, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 449076 do Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum cấp ngày 06/8/2015 mang tên ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L) sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam.

[6] Đối với ý kiến của bị đơn Công ty TNHH MTV Tiến Đ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L về việc bị đơn chỉ có trách nhiệm trả nợ đối với khoản tiền gốc. Thấy rằng: Công ty TNHH MTV Tiến Đ ký kết Hợp đồng tín dụng, vay tiền của Ngân hàng có thỏa thuận về việc trả lãi (trong hạn, quá hạn). Căn cứ khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, khi đến hạn, bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi trên nợ gốc quá hạn theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận đối với ý kiến chỉ đồng ý trả tiền gốc của các đương sự nêu trên.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP An B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP An B là Công ty TNHH MTV Q Việt Nam) được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH MTV Tiến Đ phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP An B (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP An B là Công ty TNHH MTV Q Việt Nam), đơn đề ngày 09/11/2018.

Áp dụng khoản 3 Điều 4 Luật thương mại năm 2005; các Điều 280, 298, 299, 317, 323, 357, 463, 466, 468, 470, 500 và 688 Bộ luật Dân sự 2015.

Xử:

Buộc Công ty TNHH MTV Tiên Đ trả cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam số tiền tổng cộng là 5.829.168.980 đồng (*Năm tỷ, tám trăm hai mươi chín triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm tám mươi đồng*). Trong đó, tiền gốc là 5.100.000.000 đồng (*Năm tỷ, một trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn là 46.125.980 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm tám mươi đồng*), tiền lãi quá hạn là 683.043.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi ba triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty TNHH MTV Tiên Đ không trả đúng hoặc trả đủ số tiền nêu trên cho Công ty TNHH MTV Q Việt Nam thì tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 6930/16/TC-TT/VIII.2 ngày 06/12/2016 là quyền sử dụng đất đối với diện tích 123,6m², thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 8 và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ đường Phan Đình P, phường Quyết T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 449076 do Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum cấp ngày 06/8/2015 mang tên ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị Thu L) sẽ được phát mãi để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Áp dụng khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH MTV Q Việt Nam có quyền yêu cầu thi hành án. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH MTV Tiên Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất

thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty TNHH MTV Tiến Đ phải chịu 113.829.169 đồng (*Một trăm mười ba triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP An B 56.700.000 đồng (*Năm mươi sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002436 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Căn cứ các Điều 156, 157 và 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty TNHH MTV Tiến Đ phải chịu 2.400.000 đồng (*Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Công ty TNHH MTV Tiến Đ phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia L 2.400.000 đồng (*Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp tại Tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng TMCP An B – Chi nhánh Gia L có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền này mà Công ty TNHH MTV Tiến Đ không thi hành đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH MTV Tiến Đ còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2019), nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp Kon Tum;
- Chi cục THA DS Tp Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN VĂN PHO